

Mô hình đào tạo thạc sĩ tư vấn học đường ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

Trần Anh Tuấn*

*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Tóm tắt

Tìm kiếm câu trả lời thuyết phục cho vấn đề: mô hình nào thích hợp cho đào tạo THẠC SĨ TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG ở Việt Nam, bài viết đã xác định và giải quyết các nội dung sau: Tổng quan các nghiên cứu phản ánh tình hình thực tế của nhu cầu xã hội và các tài liệu nghiên cứu trong nước và ngoài nước thời gian 5 năm gần đây,... để đưa ra kết luận: nhu cầu xã hội về các hoạt động TVHĐ rất đa dạng và rất cấp bách, đòi hỏi phải sớm tổ chức đào tạo nhân lực tư vấn học đường (TVHĐ) có trình độ cao. Đào tạo chuyên viên TVHĐ trong đó có thạc sĩ TVHĐ phải là lựa chọn ưu tiên; Trong bài viết đã phân tích, lập luận để khẳng định: TVHĐ theo nghĩa rộng nhất của thuật ngữ *School Counseling*, bao gồm đầy đủ những công việc của “Tham vấn học đường” và tích hợp trong đó một phần quan trọng của các lĩnh vực: Tâm lý học đường, của Tư vấn hướng nghiệp và cả một phần của công tác xã hội trong trường học. Đó là cơ sở lý luận cho việc xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ TVHĐ theo mô hình liên ngành và tích hợp, mà không phải các CTĐT thạc sĩ theo từng chuyên ngành hẹp; Dựa trên số liệu khảo sát nhu cầu đào tạo, bài viết bước đầu xác định Mô hình tổ chức hoạt động các cơ sở TVHĐ trong hệ thống giáo dục phổ thông và Mô hình năng lực (chuẩn đầu ra) và đưa ra dự báo định lượng nguồn tuyển sinh hàng năm và tầm nhìn 20 năm cho CTĐT thạc sĩ TVHĐ ở Việt Nam. Bài viết cũng đưa ra thông tin về Đề án mở thí điểm CTĐT thạc sĩ TVHĐ theo các định hướng trên đây, như là minh chứng cho nghiên cứu và phát triển (R&D) vấn đề đào tạo nhân lực TVHĐ có trình độ cao đáp ứng yêu cầu xã hội ở nước ta hiện nay.

Nhận ngày 26 tháng 9 năm 2015, Chỉnh sửa ngày 07 tháng 11 năm 2015, Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 6 năm 2016

Từ khóa: Tư vấn học đường; nhà tư vấn học đường; những nhu cầu đào tạo; hình mẫu đào tạo thạc sĩ tư vấn học đường; nguồn nhân lực trong tư vấn học đường.

1. Đặt vấn đề

Nhu cầu xã hội Việt Nam hiện nay về phát triển các lĩnh vực dịch vụ tư vấn giáo dục là rất lớn và có tính bùng nổ. Kéo theo đó, là nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các loại hình TVHĐ (cũng thường dùng “Tư vấn trường học”, “Tham vấn học đường”, tuy có khác nhau ít nhiều về ngữ nghĩa...).

Trên thực tế, ngoài duy nhất một CTĐT cử nhân Tâm lý học trường học (TLHTH, School Psychology) của Trường ĐHSP Hà Nội từ năm

2009, cho đến nay Việt Nam chưa có cơ sở giáo dục nào đào tạo nhân lực TVHĐ. Tuy vậy, khoảng 10 năm gần đây trong giới khoa học giáo dục, trên các diễn đàn xã hội và một số Hội thảo... đã có nhiều bài viết bàn về mô hình đào tạo nhân lực này, về các mô hình tổ chức hoạt động và mô hình cơ sở dịch vụ TVHĐ.

Một câu hỏi đặt ra: *tại sao nhiều năm qua vấn đề đào tạo nhân lực TVHĐ dường như vẫn chưa vượt ra khỏi phạm vi các hội thảo, các bài báo,...?* Và trên thực tế, chỉ có thể kể đến một số hoạt động TVHĐ có tính tự phát, một số ít hơn thuộc khuôn khổ một vài dự án nhỏ, ngắn hạn được tài trợ bởi tổ chức quốc tế. Chỉ ở Hà

*ĐT.: 84-913037748

Email: tuanta@vnu.edu.vn

Nội, Tp. HCM gần đây mới có một số ít cơ sở dịch vụ nhỏ lẻ, một vài trường phổ thông có đặt “văn phòng tư vấn tâm lý”, “văn phòng tham vấn học đường... với quy mô chỉ một, hoặc hai, ba nhân viên tư vấn không chuyên. Ví dụ điển hình, một dự án khá lớn về phòng chống bạo lực học đường do PLAN tài trợ cho Hà Nội có tên “Trường học An toàn, Thân thiện và Bình đẳng”, với mục tiêu “Học sinh nữ và học sinh nam từ 11 đến 18 tuổi học tập tại 20 trường học ở Hà Nội được bảo vệ an toàn khỏi các hình thức bạo lực trên cơ sở giới tại trường học”. Dự án khởi động tháng 6/2014 và sẽ kết thúc vào năm 2016) [1].

Xem xét một cách hệ thống những thông tin quan trọng về TVHĐ mấy năm nay, chúng tôi nhận thấy hiệu quả thực tiễn của các bài viết vẫn có khoảng cách rất xa so với nhu cầu đa dạng và cấp thiết ở Việt Nam hiện nay, bởi có chung một số hạn chế:

(1) *Nhìn nhận vấn đề và đề xuất các mô hình đào tạo nhân lực TVHĐ từ các góc độ phiến diện khác nhau, mà chưa thấy toàn cục:* mỗi tác giả, xuất phát từ góc độ một lĩnh vực khoa học chuyên môn riêng của bản thân và chỉ nhìn từ góc độ riêng. Ví dụ: các nhà Tâm lý học thì chỉ đề xuất CTĐT Tâm lý học trường học và mô hình tư vấn tâm lý; các nhà Công tác xã hội (CTXH) thì chỉ đề xuất CTĐT công tác xã hội học đường (CTXHHĐ) và mô hình trợ giúp xã hội cho người học,... Với các dự án có tài trợ quốc tế, thường có tính “chuyên đề” và ngắn hạn, chỉ tập trung bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho nhóm chuyên gia, mà không bao gồm chương trình đào tạo nhân lực lâu dài (ví dụ, dự án do PLAN tài trợ cho Hà Nội đã nói ở trên).

(2) Ngay cả về thuật ngữ và khái niệm còn chưa tìm được tiếng nói chung. Ví dụ, “*School Counseling*” nên dịch và sử dụng là “Tư vấn học đường”, hay nên là “Tham vấn học đường” như một số chuyên gia đề nghị...? Bởi điều đó sẽ quy định các thành tố của mô hình đào tạo và nội dung của chương trình đào tạo (CTĐT), ngay cả khi đó là loại CTĐT liên ngành (tích hợp đa lĩnh vực) phản ánh nhu cầu xã hội đa dạng ở Việt Nam hiện nay.

(3) Khi đề xuất mô hình đào tạo nhân lực TVHĐ, các nghiên cứu hiện nay hầu như chỉ xuất phát từ các mô hình sẵn có của nước ngoài, thường là của Mỹ, để lựa chọn và đề xuất ứng dụng cho Việt Nam, mà chưa thực sự khảo sát nhu cầu Việt Nam, hoặc đối chiếu, phân tích sâu để trả lời “*chúng ta cần thực sự là mô hình TVHĐ như thế nào, và theo đó là mô hình năng lực nghề nghiệp của một chuyên viên TVHĐ ở Việt Nam cần có là gì?*”. Bởi xu hướng phát triển, điều kiện và nhu cầu Việt Nam không thể giống như Mỹ và các nước khác.

Nhân đây cũng cần nhấn mạnh thêm rằng: trong nhiều nghiên cứu chưa quan tâm phân biệt và chỉ ra mối quan hệ giữa mô hình đào tạo nhân lực TVHĐ (hay mô hình Chương trình đào tạo TVHĐ) và mô hình tổ chức hoạt động TVHĐ (hay mô hình cơ sở dịch vụ TVHĐ). Nếu không nhận thức được các mối liên hệ này sẽ không thể xác định mô hình đào tạo các chuyên viên TVHĐ dựa trên năng lực thực hiện.

Bài viết sẽ trình bày một số quan điểm và các đề xuất có tính giải pháp thực tiễn cho bài toán đào tạo nhân lực TVHĐ của Việt Nam hiện nay; Mặt khác, dưới góc độ học thuật, có thể tìm thấy trong đó sự kiên giải và câu trả lời để có thể vượt qua một số “hạn chế” trong nghiên cứu lĩnh vực TVHĐ mà chúng tôi vừa khái quát trên đây.

2. Phương pháp nghiên cứu

Được phát triển từ nguồn tư liệu một Đề tài KHCN [2] của Trường ĐHGĐ-ĐHQGHN, bài viết này sử dụng các phương pháp nghiên cứu:

- Tổng quan các nghiên cứu phản ánh tình hình thực tế của nhu cầu xã hội (qua dư luận xã hội, các thông tin về hoạt động cộng đồng,...); các tài liệu nghiên cứu trong nước và ngoài nước 5 năm gần đây;

- Khảo sát nhu cầu đào tạo của một trong các nhóm đối tượng tiềm năng nhất là khối giáo viên phổ thông (trung học). Cuộc khảo sát được thực hiện nhiều đợt, trong đó tập trung vào 2 đợt chủ yếu:

a) *Đợt khảo sát 1 (S1)*, tổng số phiếu thu được là 272, trong đó, giáo viên THPT là 215,

THCS 45 (đối tượng THCS chỉ lấy khu vực phía Bắc Việt Nam, từ Quảng Bình trở ra) và 14 cán bộ quản lý ở một số Phòng, Sở GD-ĐT (tháng 3/2012, kết hợp với các đợt tập huấn về kỹ năng sống do Bộ GD&ĐT triển khai).

b) Đợt 2 (S2), tổng số phiếu thu được là 342, trong đó, giáo viên phổ thông các cấp học là 316, chủ yếu là giáo viên khu vực phía Bắc Việt Nam, gồm 206 giáo viên THPT và THCS, 83 giáo viên Tiểu học và mầm non và 36 cán bộ quản lý Phòng, Sở GD-ĐT một số địa phương; Ngoài ra, còn số ít học viên (17 người) đến từ các vị trí công tác khác (từ tháng 10/2013 đến tháng 12/2014).

Như vậy, tổng số phiếu khảo sát hai đợt khảo sát là 514 (N= 514). Có thể coi đây là các đại diện ngẫu nhiên cho GV phổ thông trung học toàn quốc. Phân tích nhu cầu đào tạo được xem xét từ hai phía: nguyện vọng cá nhân và khả năng cử đi học của đơn vị cơ sở; từ nhu cầu năng lực (kiến thức, kỹ năng) theo vị trí công tác TVHĐ tại trường học,... Tuy nhiên, do tính chất khác nhau của các đối tượng khảo sát, trong một số trường hợp các số liệu riêng (S1, hoặc S2) được sử dụng, mà không nhất thiết phải là tổng số phiếu.

3. Tư vấn học đường, Tham vấn học đường, hay Tâm lý học đường?

School Counseling, theo nhiều nghiên cứu của Mỹ và một số nước khác, là một loại hình dịch vụ giáo dục chuyên nghiệp, trong đó các tư vấn viên phân đấu để đáp ứng các nhu cầu của học sinh, sinh viên trong ba lĩnh vực giáo dục cơ bản: phát triển học tập, phát triển nghề nghiệp, và phát triển xã hội cho cá nhân. Điều này được thực hiện thông qua việc thực hiện một loạt tác động toàn diện nhằm thúc đẩy và tăng cường thành tích người học thông qua một chương trình đào tạo định hướng, chiến lược hoạch định cá nhân, dịch vụ đáp ứng và một chương trình TVHĐ hỗ trợ/vận động [3].

“*School Counselor*” (chuyên viên TVHĐ) là thành viên quan trọng trong đội ngũ các giáo dục viên, có chức năng chủ yếu là giúp đỡ tất cả học sinh, sinh viên, với sự can thiệp điều

chỉnh hợp lý, hiệu quả trong việc cải thiện thành tích học tập, phát triển cá nhân/xã hội và phát triển nghề nghiệp, đảm bảo cho người học hôm nay trở thành người lớn ngày mai [3].

Tư vấn viên TVHĐ chuyên nghiệp (School Counselor) là nhà giáo dục được cấp chứng nhận với trình độ tối thiểu là văn bằng thạc sĩ thuộc lĩnh vực TVHĐ đủ để là người duy nhất có thể giải quyết cho tất cả các sinh viên về các vấn đề: thiết kế, triển khai thực hiện, đánh giá và nâng cao nhu cầu học tập, phát triển nghề nghiệp và cá nhân/xã hội của họ; Là một cố vấn học tập toàn diện; chương trình nhằm thúc đẩy và tăng cường học sinh thành công; Tư vấn viên TVHĐ chuyên nghiệp được làm việc trong trường tiểu học, trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng; trong vị trí giám sát, hoặc nhân viên tư vấn giáo dục cấp huyện, quận.

Thông qua lãnh đạo, vận động và phối hợp, Tư vấn viên TVHĐ chuyên nghiệp thúc đẩy công bằng và kết nối những kinh nghiệm giáo dục chặt chẽ cho tất cả học sinh, hỗ trợ một môi trường học tập an toàn và làm việc để bảo vệ quyền con người của tất cả các thành viên của cộng đồng nhà trường (Sandhu, 2000) và giải quyết nhu cầu của tất cả học sinh thông qua các quan hệ văn hóa phù hợp thông qua chương trình phòng chống và can thiệp, với tư cách là một phần của một Chương trình tư vấn học đường toàn diện (Bridgeland, J. and Bruce, M. (2011), dẫn theo [4]).

Theo các ý nghĩa đó, chúng tôi cho rằng, trước hết cần xác định rõ: *School Counseling* với đầy đủ ngữ nghĩa nên được hiểu rộng hơn “tham vấn học đường”, và càng không chỉ là “tâm lý học đường”, với nghĩa chỉ can thiệp, tư vấn về vấn đề sức khỏe tâm lý người học,... mà bao gồm tất cả những công việc nói trên. Mặt khác, theo quan niệm của đa số người Việt, cũng như trong các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT [5], vẫn thường dùng phổ biến là “Tư vấn học đường”. Một lý do nữa, từ góc độ nhu cầu đào tạo nhân lực sẽ giúp khẳng định ngữ nghĩa “TVHĐ” với tư cách một lĩnh vực đào tạo “tích hợp và liên ngành” (xin xem Bảng 1 và Bảng 2).

Từ đây, trong bài viết này chúng tôi dùng “*Tư vấn học đường*” (TVHĐ) theo nghĩa rộng nhất của thuật ngữ *School Counseling*, bao gồm đầy đủ những công việc của “*tham vấn học đường*” và tích hợp trong đó một phần quan trọng của tâm lý học đường, của tư vấn hướng nghiệp và cả một phần của công tác xã hội trong trường học.

4. Về nhu cầu hoạt động tư vấn học đường ở Việt Nam nhìn từ tình hình xã hội

Việt Nam là một quốc gia thuộc nhóm “*đang phát triển*”, với tốc độ tăng trưởng GDP khá cao, từ 2002- 2012 hàng năm bình quân trên 7,0% [6] và những năm 2012 - 2014 thấp hơn, bình quân trên 5,5%, cao hơn nhiều so với mặt bằng thế giới.

Mặt trái của sự phát triển nhanh về kinh tế-xã hội dẫn đến thực tế giáo dục trong những năm qua có rất nhiều lo ngại đáng báo động về các vấn đề tâm lý ở lứa tuổi học sinh, như: thường chán học, nghiện Facebook và trò chơi điện tử, đua xe máy, các hành vi chống đối, bạo lực, hay phạm tội [7], chống đối nội quy nhà trường và chống đối giáo viên, trầm cảm, thậm chí có cả toan tính tự tử [8],...

Theo số liệu điều tra của Bệnh viện Nhi TƯ, tỉ lệ có dấu hiệu rối nhiễu tâm lý trong trẻ em ở tuổi học đường là khoảng 20% và có xu hướng tăng lên (Hà Nội và các tỉnh lân cận năm 1999 là 10-24%, và năm 2003 là 20-30% (*Hoàng Cẩm Tú [9]*).

Gần đây hơn, *Hoàng Cẩm Tú và Đặng Hoàng Minh (2009) [10]* chỉ ra 22.55% học sinh ở 2 trường THPT trên địa bàn Hà Nội có vấn đề rối nhiễu liên quan đến hành vi, ứng xử, cảm xúc; Bên cạnh đó, *Nguyễn Thị Minh Hằng và cộng sự (2009)*, *Nguyễn Thị Mùi và cộng sự (2009, 2011)* cũng cho thấy tỉ lệ học sinh thường xuyên gặp phải tình trạng căng thẳng, lo lắng từ 21% - 28%; Nghiên cứu của *Trần Thị Mai Phương (2014) [11]* và nhiều người khác về nhu cầu trợ giúp xã hội trường học,...

Nếu thử gõ “*Tư vấn học đường*” trên Google, lập tức có ngay hơn 1,23 triệu kết quả tìm thấy. Loại bỏ các trùng lặp, sẽ tìm thấy vài nghìn bài báo trên các trang web, tin các hội thảo từ cấp quốc gia đến cấp trường, khoa... phản ánh một nhu cầu xã hội đang trở nên rất cấp bách về các hoạt động và các lĩnh vực cần có TVHĐ.

Trước nhu cầu cấp thiết và áp lực ngày càng tăng từ thực tiễn đời sống, ở một số trường học, hoặc trên các câu lạc bộ, các trang mạng xã hội, trên thực tế gần đây đã xuất hiện các hoạt động TVHĐ diễn ra khá sôi động ... nhưng còn ở mức nhỏ lẻ, phiến diện, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, do đó chưa đạt hiệu quả mong muốn. Mới chỉ có một số mô hình TVHĐ được triển khai thử nghiệm ở Hà Nội. Ví dụ như mô hình “*Trung tâm tư vấn tâm lý*” tại Trường THPT Dân lập Đinh Tiên Hoàng [12], hay mô hình “*Trung tâm Tham vấn học đường*” tại Trường THPT Trần Hưng Đạo, Trường THPT dân lập Nguyễn Tất Thành, hoạt động của hai “*Phòng tâm lý*” tại Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm và Trường THPT song ngữ liên cấp Wellspring, Trường THCS Ngô Sỹ Liên,... [13] và có thể kể thêm là khoảng 20 trường THCS, THPT trong khuôn khổ Dự án “*Trường học An toàn, Thân thiện và Bình đẳng*” do PLAN tài trợ cho Hà Nội (2013 - 2016);

Thành phố Hồ Chí Minh nổi bật về một số hoạt động chủ yếu về Tư vấn tuyển sinh (thi ĐH, CĐ và du học quốc tế), Tư vấn tâm lý lứa tuổi... của một số trường phổ thông, của một số trường đại học (Trường Đại học Văn Hiến, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành...), và của một số doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

Đáng chú ý hơn cả là “*Mô hình Tư vấn tâm lý trường học*” thí điểm theo Đề án của Sở GD&ĐT thành phố HCM, từ năm học 2009-2010. UBND Tp Hồ Chí Minh cho phép triển khai thí điểm thực hiện Đề án “*Mô hình Tư vấn tâm lý trường học*” và đã “*phê duyệt cho trường THCS, THPT hạng I được 01 biên chế giáo viên*

làm công tác tư vấn tâm lý học đường” [14]. Tuy Đề án vẫn tiếp tục được thực hiện, nhưng “cho đến nay (2013) toàn thành phố mới chỉ có 120 người chuyên trách TVHĐ, còn lại là kiêm nhiệm nên hiệu quả hoạt động không cao. Số lượng và chất lượng giáo viên (GV) tư vấn đều chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế [15].

Nhìn chung, rất nhiều phản hồi cho thấy các hoạt động TVHĐ cho đến nay chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh, hiệu quả của hoạt động TVHĐ còn mang tính tự phát, manh mún,...

Trong khi đó, nhiều năm nay các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học vẫn chỉ mới “bước đầu” tham gia, với một vài Hội thảo và một vài đề tài NCKH cấp cơ sở.

- a. www.nies... 13/08/2014 09:37. Ngày 12/8/2014, tại Viện KHGD VN, Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý học - Giáo dục học tổ chức hội thảo khoa học “*Mô hình tư vấn học đường ở trường Trung học cơ sở*”, trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Viện do TS. Nguyễn Hồng Thuận làm chủ nhiệm.
- b. www.cadn.com.vn/.../08-05-2014 - Hội thảo “*Nâng cao chất lượng công tác tư vấn tâm lý học đường*” do Sở GD-ĐT và Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục TP. Đà Nẵng phối hợp tổ chức ngày 6-5;
- c. Trong hai ngày 14 và 15/8/2014 tại Hà Nội, Trường Đại học Giáo dục và Liên hiệp phát triển Tâm lý học học đường Quốc tế (CASP-I) đã tổ chức Hội thảo quốc tế về Tâm lý học học đường lần thứ 4 (2014), và trước đó đã tổ chức được các Hội thảo Quốc tế lần 1 (2009), lần 2 (2010), lần 3 (2012),...
- d. Hội thảo khoa học “*Mô hình tư vấn học đường ở trường trung học phổ thông*” [...vnies.edu.vn/detail-news_hoi-thao- ...](http://...vnies.edu.vn/detail-news_hoi-thao-...) ngày 13-08-2014 - Ngày 12/8/2014, tại Viện KHGDVN, do Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý học- Giáo dục học tổ chức.
- e.

Đáng lưu ý, các Hội thảo khoa học và các nghiên cứu hiện nay chủ yếu vẫn đang ở giai đoạn “bàn về” sự cần thiết của các hoạt động TVHĐ và của đào tạo đội ngũ TVHĐ. Do đó,

còn khoảng cách rất xa so với những nhu cầu to lớn của thực tiễn xã hội hiện nay về phương hướng, giải pháp hiệu quả cho các “vấn đề” trong đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ TVHĐ hiện nay.

Như vậy, nhu cầu dịch vụ TVHĐ ở Việt Nam hiện nay đang phát triển rất nhanh, rất đa dạng, đã và đang trở nên nhu cầu cấp bách của xã hội. Tuy nhiên sự phát triển các hoạt động TVHĐ lại chưa đáp ứng, theo chúng tôi, trước hết do thiếu nguồn nhân lực TVHĐ và do sự yếu kém của hệ thống đào tạo các nhà TVHĐ chuyên nghiệp, là bởi ở Việt Nam hiện chưa có đội ngũ Tư vấn viên TVHĐ chuyên nghiệp có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần thiết.

Nói cách khác, xây dựng các Chương trình đào tạo (CTĐT) chuyên viên TVHĐ có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cũng chính là một nhu cầu xã hội cấp bách hiện nay ở Việt Nam.

5. Về tình hình đào tạo nhân lực Tư vấn học đường ở Việt Nam

Mặc dù ở nhiều nước các hoạt động đào tạo chuyên viên tư vấn (*Counselor*) nói chung, chuyên viên TVHĐ (*School Counselor*) nói riêng đã có trước đây ngót một thế kỉ [16], song ở Việt Nam điều này còn khá mới mẻ, đặc biệt đối với việc xây dựng các CTĐT sau đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực TVHĐ chất lượng cao.

Từ 2007, trong Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông nhiều cấp học, Bộ GD&ĐT đã có đưa ra chức danh “cán bộ làm công tác tư vấn cho học sinh” và nêu rõ “*giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh là giáo viên trung học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ tư vấn; có nhiệm vụ tư vấn cho cha mẹ học sinh và học sinh để giúp các em vượt qua những khó khăn gặp phải trong học tập và sinh hoạt*”. Trước đó, trong Thông tư 9971/BGD&ĐT (2005) [17] cũng đã chỉ thị “*Triển khai công tác tư vấn cho HSSV...*”

Thế nhưng, chỉ từ năm học 2012-2013 Bộ GD&ĐT mới triển khai tập huấn “*Bồi dưỡng kiến thức và kĩ năng tư vấn học đường*” cho

một số giáo viên cốt cán các sở GD&ĐT trong khuôn khổ Dự án phát triển giáo dục THPT và trung cấp chuyên nghiệp [18]. Quan điểm của Bộ trước mắt sẽ giao phó công tác TVHĐ cho một số giáo viên kiêm nhiệm (đây là mô hình TVHĐ còn nhiều tranh cãi về tính phù hợp và khả thi). Còn về lâu dài, đến nay chưa thấy Bộ GD&ĐT đưa ra chủ trương rõ ràng về vị trí, vai trò TVHĐ và về tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ TVHĐ chuyên trách cho các trường học. Gần đây, tháng 2/2015 Vụ Công tác HSSV của Bộ GD&ĐT cũng chỉ mới đưa ra thông tin “*Dự kiến, cuối năm nay Bộ sẽ tổ chức hội thảo về việc xây dựng mô hình tư vấn tâm lý tại các trường học*” [19].

Mặt khác, về các Chương trình đào tạo TVHĐ, trong khi nhu cầu xã hội cần một đội ngũ cán bộ TVHĐ có chuyên môn, tay nghề cao trở nên bức thiết hơn bao giờ hết, hiện nay mới xuất hiện một số lớp bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ “Tư vấn tâm lý học đường” do Hội Tâm lý - Giáo dục Tp. HCM phối hợp với Viện nghiên cứu giáo dục và Quản trị kinh doanh (Viện EBM, một tổ chức tư nhân thuộc Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam) tổ chức từ giữa năm 2013. Chỉ duy nhất có một CTĐT *cử nhân Tâm lý học trường học* của trường ĐHSP Hà Nội (triển khai từ năm 2009) và một số cơ sở giáo dục đại học, một số ít trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo nhân viên ngành Công tác xã hội (chưa có đào tạo ngành CTXH học đường). Đến tháng 3/2016 vẫn chưa có một cơ sở nào đào tạo ở bậc thạc sĩ về lĩnh vực TVHĐ này.

Rõ ràng, *những động thái trên đây chưa thể được coi là giải pháp lâu dài và hiệu quả cho bài toán nhân lực TVHĐ chuyên trách*. Từ đó, cũng cho thấy nhu cầu đào tạo rất lớn và cấp bách về nhân lực TVHĐ chuyên trách có trình độ sau đại học ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, vấn đề đó cũng đặt ra: Một CTĐT thạc sĩ TVHĐ như thế nào và gắn liền với điều đó là mô hình đào tạo chuyên viên TVHĐ như thế nào, sẽ cần và thích hợp với Việt Nam?

6. Nhu cầu và quy mô đào tạo thạc sĩ tư vấn học đường ở Việt Nam hiện nay?

- Cử nhân TVHĐ, hay thạc sĩ TVHĐ cần được ưu tiên khi xem xét mở CTĐT ở Việt Nam? Đó là câu hỏi cần đặt ra và không dễ trả lời.

Thạc sĩ Tư vấn học đường là một loại hình CTĐT thạc sĩ đang rất phổ biến trên thế giới để đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ chuyên viên TV cho các trường học. Theo logic thông thường, mở một số Chương trình đào tạo cử nhân, rồi sau vài khóa, từ nguồn nhân lực này sẽ tuyển chọn người học lên thạc sĩ, tiến sĩ.

Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam chưa đào tạo cả hệ cử nhân TVHĐ và thạc sĩ TVHĐ. Do tính đặc thù của hoạt động TVHĐ và đặc thù về nhu cầu, cách làm dịch vụ TVHĐ ở Việt Nam, chúng ta cần có một giải pháp khác, thực tế và hiệu quả hơn.

Đó là bởi các lí do đặc biệt:

- Ở các quốc gia có nền dịch vụ trường học tiên tiến, hệ thống đào tạo TVHĐ chuyên nghiệp đã có kinh nghiệm đào tạo nhiều chục năm và được quy định chặt chẽ bởi hệ thống tiêu chuẩn nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp chặt chẽ (Ví dụ ở Hoa Kỳ, được quy định bởi CACREP, ASCA,... [20]). Đáng chú ý: đại đa số các quốc gia đó đều quy định các nhà TVHĐ chuyên nghiệp đều phải có trình độ thạc sĩ trở lên và phải được cấp phép hành nghề, “*chuyên viên TVHĐ phải có trình độ tối thiểu là thạc sĩ. Đó là điều kiện bắt buộc ở các nước Hoa Kỳ [14], Canada, New Zealand,... (theo N.T.M. Lộc, 2014) [21]*”

- Thực tế ở Việt Nam, vài năm gần đây cũng có một số thử nghiệm sử dụng nhân viên TVHĐ từ nguồn *cử nhân vừa tốt nghiệp các ngành CTXH, Tâm lý học,...* Tuy nhiên, phản hồi từ những người thụ hưởng dịch vụ bước đầu cho thấy các hoạt động TVHĐ chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh, hiệu quả của hoạt động TVHĐ đạt được chưa cao, còn mang tính tự phát, manh mún,... *Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có đội ngũ Tư vấn viên chuyên nghiệp có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần thiết (theo Lê Nguyên Phương (2012) [22]; NTM. Lộc, 2014, [đã dẫn, 21]).*

Như vậy, cái mà Việt Nam cần hiện nay là ưu tiên đào tạo gấp rút một đội ngũ TVHĐ chuyên trách có trình độ thạc sĩ.

Vậy, nguồn cung tuyển sinh thạc sĩ TVHĐ lấy từ đâu?

a) Về lâu dài, tất yếu cần mở hệ cử nhân TVHĐ ở một số trường đại học uy tín.

b) Song những năm trước mắt (ít nhất đến năm 2020) hoàn toàn đủ nguồn cung cả về số lượng và chuyên môn phù hợp, đó là: 40 SV/năm có bằng cử nhân Tâm lí học trường học (TLHTH, của Trường ĐHSP Hà Nội) và hàng trăm SV chuyên ngành Tâm lí học, Tâm lí giáo dục (ngành đúng và phù hợp với School Counseling) tốt nghiệp các trường ĐHSP và các trường ĐH khác; Hàng nghìn SV tốt nghiệp các ngành khác thuộc các trường ĐHSP, các trường ĐH trong toàn quốc và hàng trăm SV tốt nghiệp cử nhân CTXH (SW) và cũng có hàng nghìn giáo viên trung học, tiểu học sẵn sàng học tiếp thạc sĩ để kiêm nhiệm TVHĐ, hoặc chuyển sang lĩnh vực này... Ngoài ra, đang có hàng nghìn SV hiện chờ việc đã nhiều năm. Đó là những nguồn cung học viên rất lớn và vô tận cho các cơ sở đào tạo nhân lực TVHĐ.

Chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ TVHĐ (đã dẫn, T.A. Tuấn) cần đủ năng lực làm nòng cốt cho các hoạt động TVHĐ, cho các Trung tâm TVHĐ ở tại các trường phổ thông và có đủ năng lực tham gia nhiều lĩnh vực khác có liên quan: Nghiên cứu, giảng dạy và tham gia đào tạo nhân lực TVHĐ, tham mưu TVHĐ cho các cơ quan quản lí nhà nước về GD&ĐT tại các địa phương, các tổ chức xã hội,...

Cụ thể, chúng tôi tính toán dựa theo số liệu của Bộ GD&ĐT [23]: Hiện nay, Việt Nam có 28.916 cơ sở giáo dục phổ thông trong đó số trường THCS là 10.290, số trường THPT hơn 2400 và các Trung tâm GDTX là hơn 700. Tổng số 13.400 cơ sở; Với tốc độ phát triển của giáo dục- đào tạo và mức tăng dân số 1,5% như hiện nay của Việt Nam, số lượng HV được dự báo sẽ còn cao hơn và tăng thêm mỗi năm.

- Giả sử mỗi trường THCS, THPT và mỗi Sở GD&ĐT (63 tỉnh, thành), Phòng GD&ĐT (680 quận, huyện) trên toàn quốc được biên chế 1 chỉ tiêu cán bộ chuyên trách TVHĐ có trình độ thạc sĩ (một cụm 3 - 4 trường tối thiểu chỉ cần 3 biên chế) và lộ trình phủ kín số trường

học là 10 năm (2016 - 2025), thì từ nay đến năm 2025 số thạc sĩ TVHĐ cần được đào tạo, cung cấp cho hệ thống giáo dục phổ thông sẽ lên tới 12.000 - 14.000 người. Từ đó, nhu cầu đào tạo mỗi năm sẽ cần khoảng 1200 - 1500 học viên thạc sĩ TVHĐ tốt nghiệp.

- Nếu tính cả cho giáo dục tiểu học và các loại hình cơ sở giáo dục khác (đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu, tổ chức xã hội...) thì tổng số thạc sĩ TVHĐ cần đào tạo mỗi năm có thể lên đến 2.500 học viên).

Như vậy, quy mô tuyển sinh hàng năm cho đào tạo thạc sĩ TVHĐ thực sự sẽ chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ các nguồn cung rất lớn nói trên.

7. Nên chọn loại hình thạc sĩ chuyên ngành nào, Tâm lí học trường học, hay Tư vấn học đường?

Để có câu trả lời, trước hết cần làm rõ mối liên hệ giữa các lĩnh vực chuyên ngành đào tạo tương cận với TVHĐ.

Ở các nước có nền Dịch vụ trường học (School Services) tiên tiến, ví dụ Hoa Kỳ, Canada, hay các nước Tây Âu, thậm chí Singapore, Thailand,... đều có các cơ sở tổ chức đào tạo chuyên sâu nhà TVHĐ chuyên nghiệp (School Counsellor), Tâm lí học đường (School Psychologist), hay Social Worker in School, hay Career Guidance Counsellor,... Song, ngay trong nội hàm các khái niệm và nội dung của CTĐT các lĩnh vực nói trên, dù thuộc các chuyên ngành khác nhau, vẫn luôn có sự giao thoa và tích hợp.

Ngoài ra, một bản “Ma trận” năng lực sẽ cho thấy mối quan hệ nội tại mật thiết giữa các CTĐT của các lĩnh vực này.

Cùng với đổi mới giáo dục sắp tới, rất có thể Bộ GD&ĐT sẽ cho phép có 01 biên chế nhân viên TVHĐ cho một, hoặc cho một cụm vài ba trường học phổ thông (THPT, THCS, Tiểu học), mà không thể có vài ba nhân viên TVHĐ các loại hình cho một đơn vị trường học, như nhiều nước khác. Bởi vậy, chúng tôi khẳng định rằng: không thể một “bản sao chép” CTĐT thạc sĩ nào đó, mặc dù rất tốt của Hoa Kỳ, hay Singapore về School Counseling, hay School Psychology, hay Social Work in School, hay Career Guidance,...

Nói chính xác hơn: đặc thù của phát triển giáo dục Việt Nam và nhu cầu thực tế của xã hội Việt Nam cần đào tạo một chuyên gia TVHĐ (*School Counsellor*) có trình độ thạc sĩ, dựa trên một CTĐT thạc sĩ tiên tiến về TVHĐ của nước ngoài (ví dụ của ĐH Georgia, USA), nhưng cần được tăng cường thêm một số kiến thức, kỹ năng của *School Psychology*, và một số kiến thức, kỹ năng khác nữa của *Social Work in School*, của *Career Guidance*.

Mối quan hệ mật thiết giữa 3 lĩnh vực Hướng nghiệp, Tâm lý học trường học và Tư vấn học đường đã thể hiện rõ qua lịch sử phát triển Hội nghề nghiệp các lĩnh vực này ở Mỹ và sự hợp nhất trong Hiệp hội tư vấn Hoa Kỳ (*ACA, American Counseling Association*) hiện nay:

Năm 1952, Hiệp hội Hướng dẫn và nhân viên Mỹ (*APGA, American Personnel and Guidance Association*) được thành lập bởi sự hợp nhất của Hiệp hội quốc gia về Hướng dẫn dạy nghề (*NVGA, National Vocational Guidance Association*), Hiệp hội quốc gia về Hướng dẫn và Giảng viên tư vấn (*NAGC, National Association of Guidance and Counselor Trainers*),... Năm 1953, Hiệp hội các nhà tâm lý học đường Hoa Kỳ (*ASCA, American School Psychology Association*) được thành lập và tham gia vào APGA. Đến năm 1983 APGA đổi tên thành Hiệp hội Tư vấn và Phát triển Hoa Kỳ (*AACD, American Association of Counselor and Development*) và sau đó, tháng 7 năm 1992, Hiệp hội đã thông qua tên gọi hiện tại là Hiệp hội tư vấn Hoa Kỳ (*ACA*), với sự tham gia đông đủ các nhà TVHĐ, chuyên gia Tư vấn hướng nghiệp, các nhà tâm lý học đường...

Bảng 1. Đối chiếu Năng lực và Dịch vụ trường học giữa 3 lĩnh vực (Phuong, Le Nguyen, theo [2])

School Services & Competencies	School Counseling	School Social Work	School Psychology
Academic Assessment. <i>Đánh giá học tập</i>	Yes	n/a	Yes
Academic Intervention. <i>Can thiệp học tập</i>	Yes	n/a	Yes
Cognitive Assessment. <i>Đánh giá nhận thức</i>	n/a	n/a	Yes
Cognitive Intervention. <i>Can thiệp nhận thức</i>	n/a	n/a	Yes
Internalizing Behavior Assessment <i>Đánh giá hành vi hướng nội</i>	n/a	Yes	Yes
Internalizing Behavior Interventoin <i>Can thiệp hành vi hướng nội</i>	Yes	Yes	Yes
Externalizing Behavior Assessment <i>Đánh giá hành vi hướng ngoại</i>	Yes	Yes	Yes
Externalizing Behavior Interventoin <i>Can thiệp hành vi hướng ngoại</i>	Yes	Yes	Yes
Mental Health Assessment <i>Đánh giá sức khỏe tâm thần</i>	n/a	Optional*	Yes
Mental Health Intervention <i>Can thiệp sức khỏe tâm thần</i>	n/a	Optional*	Yes
Special Ed. Assessment & Services <i>Đánh giá & Dịch vụ GD đặc biệt</i>	n/a	n/a	Yes**
Early Identification & Intervention <i>Chẩn đoán sớm và can thiệp</i>	n/a	n/a	Yes
Social Support for Parents <i>Trợ giúp XH cho cha mẹ</i>	Optional	Yes	Optional
Social Emotional Learning (Life Skills) <i>Kỹ năng sống</i>	Optional	Yes	Yes
Vocational Counseling & Guidance <i>Tư vấn hướng nghiệp</i>	Yes	n/a	n/a

School Services & Competencies	School Counseling	School Social Work	School Psychology
Home-School-Community Collaboration <i>Hợp tác GD-NT-Cộng đồng</i>	Yes	Yes	Yes
Study Skills <i>Kỹ năng nghiên cứu</i>	Yes	Optional	Yes
Crisis Intervention <i>Can thiệp khủng hoảng</i>	Yes	n/a	Yes
System-wide Change <i>Thay đổi hệ thống</i>	Yes	Yes	Yes
Disciplinary Enforcement <i>Thực thi môn học</i>	Yes	n/a	n/a

* Clinical SW

** Include Learning Disability, Emotional Disability, Mental Retardation, Traumatic Brain Injury, Autism, ADHD, & Neuropsychological

Theo logic đó, mở CTĐT thạc sĩ TVHĐ có tính liên ngành không chỉ là sự cần thiết, mà đã có đầy đủ cơ sở khoa học và hoàn toàn khả thi. Học viên của CTĐT này cần hội đủ năng lực (theo các tiêu chuẩn của CACREP) để phát hiện, giải quyết những vấn đề đa dạng của TVHĐ ở các trường học Việt Nam hiện nay.

8. Mô hình hoạt động nghề nghiệp của thạc sĩ tư vấn học đường

a. Mô hình hoạt động tư vấn học đường (cơ sở tư vấn học đường)

Trên thế giới phổ biến 2 mô hình hoạt động TVHĐ: *Mô hình “văn phòng tư vấn”*, mỗi trường học có văn phòng tư vấn với một nhóm nhân viên TVHĐ (từ các lĩnh vực khác nhau TVHĐ, TVHN, hay TLHTH, CTXHĐ,...); *Mô hình “giáo viên kiêm nhiệm”*, nhân viên TVHĐ là GV sau khi được chọn và gửi đi đào tạo, bồi dưỡng thêm khóa TVHĐ. Số GV này vẫn kiêm nhiệm giảng dạy, hoặc các công việc khác của nhà trường (Bộ GD&ĐT đang chủ trương chọn bồi dưỡng TVHĐ cho GV cốt cán của mỗi trường phổ thông). Đã có nhiều Hội thảo ở Việt Nam nghiên cứu về vấn đề này [24, 25]

Tuy nhiên, Nhóm chúng tôi đưa ra một mô hình khác, có lẽ thích hợp hơn với Việt Nam, ít nhất là trong giai đoạn ban đầu (2018-2025) khi đội ngũ chuyên gia TVHĐ còn rất thiếu và ít kinh nghiệm.

Chúng tôi cho rằng, đó là mô hình hoạt động TVHĐ phù hợp với các định hướng xây dựng mục tiêu, nội dung CTĐT thạc sĩ TVHĐ mà Trường ĐHGĐ - ĐHQGHN hướng tới, và đồng thời, cũng sẽ là mô hình tổ chức TVHĐ phù hợp với quy mô đào tạo, tiến độ phát triển nguồn nhân lực TVHĐ chuyên nghiệp có trình độ sau đại học ở Việt Nam giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Từ góc độ đào tạo TVHĐ, từ mô hình hoạt động TVHĐ như trên sẽ cho phép xác định đầy đủ hơn mô hình cấu trúc năng lực có tính tích hợp của một chuyên viên TVHĐ có trình độ thạc sĩ.

Đó là mô hình được gọi là “*Văn phòng TVHĐ theo cụm trường*”, với một nhóm 3-4 tư vấn viên chuyên trách (đa nhiệm, không chỉ về tham vấn tâm lý), trong đó, có ít nhất 01 chuyên gia TVHĐ (hoặc Tâm lý học đường) có trình độ thạc sĩ. Văn phòng sẽ phụ trách 4-5 trường học, được đặt cố định tại một trường học có điều kiện thuận lợi nhất, với lịch công tác di động mỗi trường 01 tuần/tháng, hoặc 01 ngày/tuần.

b. Mô hình cấu trúc năng lực (chuẩn đầu ra) của thạc sĩ tư vấn học đường

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ TVHĐ cần ưu tiên cho những năng lực nào?

Ở các nước có nền dịch vụ trường học (*School Services*) tiên tiến, ví dụ Hoa Kỳ, Canada, một số nước Tây Âu, Singapore, Thailand,... đã có nhiều cơ sở chuyên đào tạo nhân viên TVHĐ chuyên nghiệp (*School Counsellor*), Tâm lý học trường học (*School Psychologist*), hay *Social Worker in School*, hay *Career Guidance Counsellor*,...

Như trên đã nói, hiện nay ở Việt Nam chưa có cơ sở đào tạo và CTĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành nghề thuộc lĩnh vực tư vấn, trừ một số rất ít thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành này được đào tạo từ nước ngoài. Trong khi đó, nhu cầu xã hội về dịch vụ TVHĐ lại rất đa

dạng, cả trong trường học và ngoài trường học, về tư vấn học tập, sức khỏe tâm thần, trợ giúp xã hội, hướng nghiệp và chọn nghề...

Bởi vậy, chúng tôi xác định CTĐT thạc sĩ TVHĐ ở Việt Nam cần ưu tiên tính liên ngành và tích hợp các năng lực chuyên môn từ một số lĩnh vực, chứ không chỉ đào tạo chuyên viên một lĩnh vực đơn ngành.

Từ tháng 12/2013 đến tháng 2/2015, chúng tôi đã thực hiện một số cuộc khảo sát riêng (*Phụ lục: Mẫu Phiếu khảo sát M2A, M3A* về nhu cầu đào tạo và mô hình đào tạo thạc sĩ TVHĐ, với tổng số 342 phiếu trả lời chủ yếu của các GV trung học, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Kết quả khảo sát đã giúp xác định một số định hướng xây dựng CTĐT thạc sĩ TVHĐ (Bảng 2).

Bảng 2. Xác định năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của thạc sĩ TVHĐ

TT	Năng lực, kỹ năng nghề nghiệp cần cho tư vấn học đường	Đánh giá		
		N/ n	%	Bậc
1.	<i>Chuyên viên TVHĐ phát hiện và can thiệp, phối hợp giải quyết được những “vấn đề” thực tế hiện nay của học sinh</i>	318	100	93,0
1.1	<i>Chẩn đoán và định hình được khó khăn của HS;</i>	306	96,22	1
1.2	<i>Tham vấn cá nhân, nhóm; Can thiệp giải quyết Khó khăn trong nhận thức-học tập</i>	306	96,22	1
1.3	<i>Tham vấn cá nhân, nhóm; Can thiệp giải quyết các rối nhiễu tâm lý</i>	304	95,59	2
1.4	<i>Tư vấn hướng nghiệp HS, gia đình HS (cá nhân, nhóm);</i>	288	90,56	3
1.5	<i>Tư vấn, trợ giúp HS trong các vấn đề xã hội - trợ giúp hòa nhập</i>	276	86,79	4
1.6	<i>Tư vấn giáo dục, Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho GV,</i>	224	70,44	6
1.7	<i>Tư vấn chính sách, Tham mưu TVHĐ cho cơ quan quản lý giáo dục</i>	258	81,13	5
2.	<i>Chuyên viên TVHĐ cần được đào tạo đủ năng lực “đa nhiệm”, và chuyên sâu về một lĩnh vực:</i>	326	100	95,3
2.1	<i>Tham vấn tâm lý</i>	298	91,41	2
2.2	<i>Tư vấn hướng nghiệp</i>	312	95,70	1
2.3	<i>Công tác XH học đường</i>	256	78,53	4
2.4	<i>Tư vấn giáo dục</i>	266	81,60	3
3.	<i>Chuyên viên TVHĐ được đào tạo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp với các vị trí công tác (3A, 3B,3C):</i>	326.	100	95,3
3A	<i>Cán bộ chuyên trách hoạt động TVHĐ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho GV kiêm nhiệm; Lãnh đạo nhóm TVHĐ tại cơ sở GD</i>	316	96,93	1
3B	<i>Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu về Tâm lý học đường, Hướng nghiệp, Công tác XH trường học và Tư vấn giáo dục - ở các trường ĐH, CĐ, các học viện, viện nghiên cứu, trung tâm NCGD</i>	252	76,13	3
3C	<i>Chuyên viên quản lý công tác TVHĐ, tham mưu cho cơ quan GD&ĐT, các tổ chức xã hội và phát triển cộng đồng về TVHĐ</i>	274	84,05	2

Theo đó các năng lực được đánh giá cao sẽ được đưa vào Mục tiêu đào tạo cụ thể (kiến thức, kỹ năng, thái độ) và chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ TVHĐ.

Như vậy, xuất phát từ nhu cầu đa dạng và thực tiễn phát triển đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay, mô hình CTĐT thạc sĩ TVHĐ được thiết kế liên ngành và tích hợp, năng lực đa nhiệm với “nhiều đầu ra” là sự lựa chọn phù hợp và tất yếu.

9. Thay cho lời kết

1) Trường ĐHGĐ - ĐHQGHN đang trình Đề án thí điểm đào tạo thạc sĩ Tư vấn học đường tại ĐHQGHN từ 2016. Đó là một CTĐT được thiết kế liên ngành và tích hợp kiến thức, kỹ năng của các chuyên ngành. Trong đó, cốt lõi kiến thức thuộc về *Tư vấn học đường (School Counseling)*; *Tâm lý học trường học (School Psychology)*, *Tư vấn hướng nghiệp (Career Guidance)*, *Công tác xã hội trường học (School Social Work)*.

Theo đó, học viên tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ TVHĐ đảm bảo có đủ năng lực để phát hiện, đánh giá các vấn đề khó khăn vốn rất đa dạng của thân chủ và đủ trình độ chuyên sâu ở mức nhất định, để có thể can thiệp sớm và trị liệu ban đầu tại cơ sở giáo dục đối với những trường hợp/ ca chưa đến mức chuyên khoa cần chuyển lên tuyến trên. Bên cạnh đó là tư vấn hướng nghiệp và sự hỗ trợ hòa nhập.

Mặt khác, những học viên tốt nghiệp thạc sĩ TVHĐ còn có thể làm Tư vấn giáo dục (*Education Counseling*), tham gia bồi dưỡng chuyên môn TVHĐ cho các đồng nghiệp trong nhóm, cho các Giáo viên kiêm nhiệm, GV chủ nhiệm lớp, và có thể lãnh đạo nhóm công tác TVHĐ ở các cơ sở dịch vụ trường học.

Ngoài ra, thạc sĩ TVHĐ còn có thể đảm đương vị trí chuyên viên quản lý, chỉ đạo các hoạt động TVHĐ, tham mưu về hoạt động TVHĐ cho các nhà hoạch định chính sách giáo dục địa phương (Sở, Phòng GD&ĐT), hoặc làm chuyên môn TVHĐ trong các cơ sở dịch vụ xã hội.

2) Mỗi năm cần và có thể tuyển sinh bao nhiêu học viên thạc sĩ TVHĐ? Như trên đã dự

báo, nhu cầu đào tạo mỗi năm sẽ cần khoảng 1200 - 1500 học viên thạc sĩ TVHĐ tốt nghiệp và lộ trình không ít hơn 10 - 15 năm liên tục.

3) CTĐT thạc sĩ TVHĐ của Trường ĐHGĐ - ĐHQGHN là một CTĐT được thiết kế liên ngành và tích hợp kiến thức, trong đó, một phần kiến thức của một số nhóm ngành, ngành/chuyên ngành đào tạo đã có mã số trong “Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ” [27], như: *Tâm lý học (6031.0401)*, *Giáo dục học (6014.0101)*, *Quản lý giáo dục (6014.0114)*, *Công tác xã hội (6090.0101)*, và một phần kiến thức của một số lĩnh vực đào tạo, ngành đào tạo khác ở Việt Nam hiện nay chưa có mã số trong danh mục (*Tham vấn tâm lý, Tư vấn học đường, Tư vấn hướng nghiệp ...*).

Cần phải nói rõ thêm: trong khi ở nhiều quốc gia (xem mục 3.1 của Đề án này) TVHĐ từ lâu đã là một lĩnh vực đào tạo phổ biến và đã phân hóa sâu thành khá nhiều chuyên ngành thạc sĩ, tiến sĩ (*Tư vấn học đường, Tâm lý học trường học, Hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, Công tác xã hội trong trường học, ...*) thì ở nước ta hiện nay tên của ngành và các chuyên ngành này vẫn còn chưa có trên trong “Danh mục...”, cũng như trong thực tế đào tạo ở các trường đại học.

4) Từ đó, chúng tôi xác định và xin có một số khuyến nghị:

- CTĐT thạc sĩ TVHĐ xin mở là CTĐT liên ngành và không thuộc bất cứ ngành/nhóm ngành đã có mã số trong Danh mục GD&ĐT trình độ thạc sĩ hiện hành; CTĐT thạc sĩ TVHĐ nên được cấp mã số của chuyên ngành đào tạo thuộc nhóm ngành/ngành đào tạo Tư vấn học đường.

- Thạc sĩ TVHĐ nên được bổ sung vào một nhóm ngành/ngành đào tạo mới và khác, có thể nằm trong “dải” mã số, gồm 6010 đến 6013, hoặc từ 6015 đến 6020; hoặc từ 6091 trở đi, ... trong số các mã số nhóm ngành/ngành hiện nay chưa có trong danh mục

- Trước mắt, đề nghị cho phép đào tạo thí điểm tại một số cơ sở giáo dục đại học có uy tín hàng đầu: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHGĐ - ĐHQGHN, ...

Một CTĐT thạc sĩ TVHĐ được thiết kế như vậy là phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực TVHĐ Việt Nam và khả dĩ giúp cho học viên sau tốt nghiệp hoàn toàn có thể làm tốt các chức năng TVHĐ đa dạng ở các cơ sở giáo dục phổ thông, hoặc các vị trí công tác khác có liên quan đến sử dụng chuyên môn TVHĐ.

Tài liệu tham khảo

- [1] <http://plan.hanoiedu.vn/vi/news/Tin-tuc/Khoi-dong-du-an-do-to-chuc-quoc-te-Plan-tai-tro>
- [2] Trần Anh Tuấn, Nghiên cứu cơ sở khoa học mở thí điểm CTĐT thạc sĩ Tư vấn học đường tại Trường ĐHGĐ- ĐHQGHN (Đề tài QS-2013-03).
- [3] Hatch & Bowers, 2003, 2005; ASCA, 2012 (dẫn theo En.Wikipedia.org. School Counseling)
- [4] <http://www.schoolcounselor.org/asca/media/asca/home/RoleStatement.pdf>
- [5] Bộ GD&ĐT: Thông tư 997/BGD&ĐT; Điều lệ trường THCS, THPT...
- [6] Tổng cục Thống kê. Tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2002-2011. <http://www.vnep.org.vn/>
- [7] <http://m.tinnhanh247.vn/ /suc-khoe-tam-than-cua-hoc-tro-cang-lam-roi-...html>.
- [8] <http://Cadn.com.vn/Tu-van-tam-li-hoc-đường:thiếu-và-yếu>
- [9] Hoàng Cẩm Tú, Cao Vũ Hùng và cs, Sức khỏe tâm thần của HS lứa tuổi THCS, Kì yếu Hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam, 2007.
- [10] Thực trạng sức khỏe tâm thần (SKTT) ở học sinh THCS ở Hà Nội và nhu cầu tham vấn SKTT học đường, Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập 25, số 1S (2009) 106.
- [11] Trần Thị Mai Phương, Nhu cầu về hoạt động công tác xã hội trong trường học tại Hà Nam, 2014.
- [12] Thu Phương. <http://hnue.edu.vn/Danhgiavathuc..>
- [13] Phạm Mạnh Hà, Vũ Thu Hà, Một số đề xuất mô hình phòng tư vấn tâm lí..., 2014.
- [14] <http://thamvantamly.net/51/297/tu-van-tam-ly-hoc-duong/--nhung-bat-cap-can-thao-go.htm>
- [15] [<http://m.dantri.com.vn/ /suc-khoe-tam-than-cua-hoc-tro-cang-lam-roi-...html>].
- [16] https://en.wikipedia.org/wiki/School_counselor
- [17] Thông tư 9971/BGD&ĐT - HSSV về Triển khai công tác tư vấn cho học sinh, sinh viên
- [18] Công văn số 654/BGDĐT-VP ngày 17/02/2012 của Bộ GD&ĐT
- [19] <http://www.tienphong.vn/giao-duc/se-chuyen-nghiep-hoa-tu-van-tam-ly-hoc-duong-820036.tpo>. 06.2.2015
- [20] http://www.cacrep.org/wp-content/uploads/2013/CACREP_standars_2009.
- [21] Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Tiêu chuẩn năng lực đối với cán bộ TLHĐ/TVHĐ thế giới và... Kì yếu Hội thảo Tâm lý học học đường lần thứ 4, 2014.
- [22] Phương, Nguyen Le. Kì yếu Hội nghị Tâm lí học quốc tế lần thứ 3, 2012.
- [23] Niên giám thống kê 2014.
- [24] Hội thảo Tâm lí học học đường lần thứ 2, 2010, Hội thảo Tâm lí học học đường lần thứ 2, 2012.
- [25] Kì yếu Hội thảo Tâm lí học học đường lần thứ 4, 2014.
- [26] Trần Anh Tuấn, Nghiên cứu cơ sở khoa học mở thí điểm CTĐT thạc sĩ TVHĐ tại Trường ĐHGĐ- ĐHQGHN(Đề tài QS-2013-03)
- [27] Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2012/TT-BGDĐT và Thông tư số 33/2013/TT-BGDĐT).

The Training Model of Master Degree for School Counselors in Vietnam: Real Situation and Solutions

Tran Anh Tuan

VNU University of Education,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: In search of the convincing answers to what is the suitable for the training model of Master Degree for School Counselor in Vietnam, this article has determined and resolved the following “contents”: A overview of the studies that reflects the actual situation of social needs, and research materials at home and abroad in the past 5 years has come to a conclusion: the social needs of the School Counseling activities are diverse and very urgent now, demanding an early training of high-level School Counselors. And the training of School Counseling specialists with Master Degree must

be the prioritized choice; The article analyzed and argued to affirm that the "School Counseling" in the broadest sense of this term "School Counseling", comprises all the work to be done by "School Counseling" and integrate an important part of the areas: School Psychology, Career Guidance and a part of Social Work in schools. That is the a theoretical basis to build a training program of the Master Degree for School Counselors in conformity with the interdisciplinary and integrated model, not the training program of Master Degree in separate specialty. Based on the data from a survey of training needs, this article has initially determined the Model of organizing the activities of the establishments of School Counseling in the secondary educational system and the competencies model (output standard) and put forth a quantitative prediction about the annual enrollment source and a 20-year long vision for the training program of Master Degree for School Counselors in Vietnam. This article also supplied some information on the plan to open on a trial basis the training of the Master Degree for School Counselors in accordance with the above-said orientations, serving as the proof of Research and Development (R&D) on the training of the highly qualified human resources for the School Counseling so as to meet the current social demands in Viet Nam.

Keywords: School Counseling; School Counselor; Training Needs; Training Model of Master Degree for School Counselors; Human Resources in School Counseling.